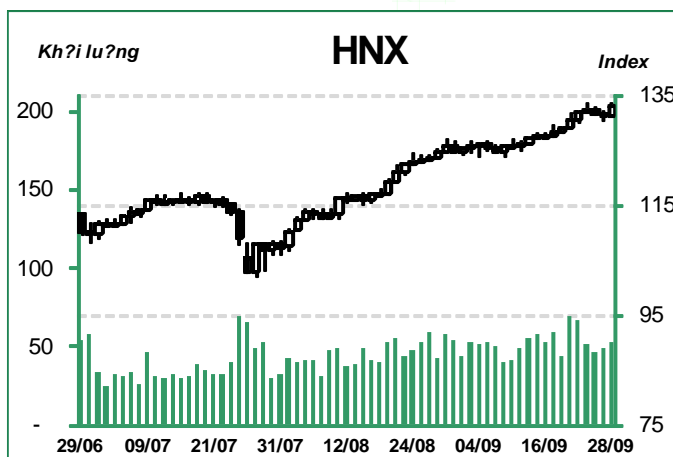
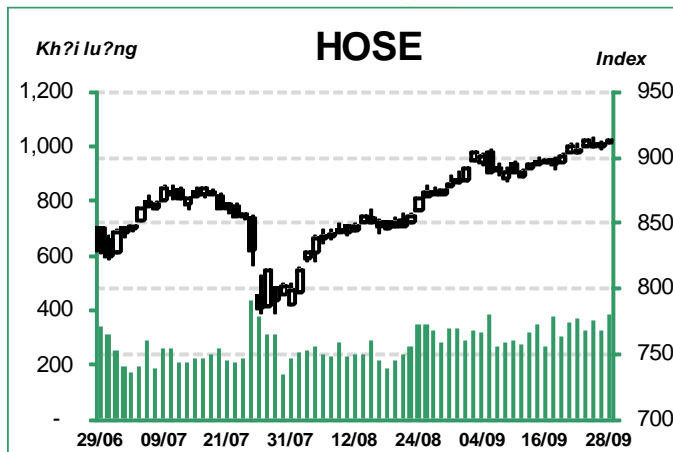


Tổng quan thị trường

| 28/09/20 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 912.50 | 0.47% | 863.31 | 1.01% | 133.12 | 1.22% |
| Cuối tuần trước | 908.27 | 0.47% | 854.71 | 1.01% | 131.52 | 1.22% |
| Trung bình 20 ngày | 899.19 | 1.48% | 839.52 | 2.83% | 128.65 | 3.48% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 418.69 | 15.91% | 169.50 | 35.04% | 59.76 | -4.64% |
| KLGD khớp lệnh | 378.53 | 16.07% | 134.68 | 27.83% | 52.34 | 8.20% |
| Trung bình 20 ngày | 323.83 | 16.89% | 92.51 | 45.58% | 52.02 | 0.62% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 7,216.89 | 15.01% | 4,062.19 | 37.33% | 806.33 | -10.96% |
| GTGD khớp lệnh | 6,278.20 | 15.56% | 3,234.42 | 33.76% | 670.26 | 7.07% |
| Trung bình 20 ngày | 5,479.98 | 14.57% | 2,529.07 | 27.89% | 609.08 | 10.05% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 247 | 52% | 16 | 53% | 99 | 28% |
| Số mã giảm | 159 | 33% | 7 | 23% | 54 | 15% |
| Số mã đứng giá | 69 | 15% | 7 | 23% | 203 | 57% |



Sau 2 phiên điều chỉnh nhẹ cuối tuần trước, sắc xanh đã quay trở lại thị trường khi dòng tiền đổ mạnh vào các cổ phiếu Bluechips. Các chỉ số nhanh chóng bật tăng ngay từ khi mở cửa và duy trì trạng thái tích cực trong suốt thời gian còn lại của phiên. Kèm theo đó là thanh khoản gia tăng đáng kể so với trung bình.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 912.50 điểm (+0.47%). Thanh khoản tăng mạnh với KLGD khớp lệnh đạt 378.5 triệu cổ phiếu (+16.1%), tương đương 6,278 tỷ đồng giá trị (+15.6%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua khi số mã tăng chiếm ưu thế (247 mã tăng so với 159 mã giảm).

Nhóm ngân hàng đóng góp chính cho VN-Index với sự tích cực của các cổ phiếu như Vietinbank-CTG (+3.6%), BIDV-BID (+1.2%), Techcombank-TCB (+2.0%) hay VPBank-VPB (+2.1%). Bên cạnh đó, một số nhóm ngành khác cũng ghi nhận mức tăng ấn tượng như nhóm thép, thực phẩm đồ uống, chứng khoán và đặc biệt là nhóm phân bón với nhiều mã tăng trần và tăng mạnh như Đạm Cà Mau-DCM (+6.8%), Đạm Phú Mỹ-DPM (+5.1%), Phân bón Bình Điền-BFC (+5.5%). Ở chiều ngược lại, PV Gas-GAS (-1.2%), Vinhomes-VHM (-0.6%), Vincom Retail-VRE (-2.1%) và Petrolimex-PLX (-0.6%) chịu áp lực điều chỉnh đáng kể.

Khối ngoại bán ròng khá quyết liệt trên sàn HoSE hôm nay, với giá trị 394.8 tỷ đồng (+144.8%), Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Vinamilk-VNM (-122.3 tỷ), Vincom Retail-VRE (-71.1 tỷ), Hòa Phát-HPG (-67.7 tỷ). Trong khi đó, những cổ

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| TCB | 18,569.6 | 412.18 |
| VPB | 4,790.0 | 105.38 |
| CTG | 3,700.0 | 100.14 |
| EIB | 4,504.4 | 76.58 |
| NVL | 970.0 | 59.79 |
| MSN | 640.0 | 35.01 |
| VND | 2,200.0 | 29.48 |
| MBB | 850.6 | 17.01 |
| BFC | 620.0 | 10.66 |
| TRC | 246.0 | 8.64 |
| HNX | | |
| DNP | 3,378.1 | 60.81 |
| VC3 | 2,115.6 | 35.28 |
| HHC | 104.0 | 10.40 |
| DHT | 166.0 | 8.22 |
| NVB | 800.0 | 7.52 |
| TAR | 250.5 | 5.01 |
| SHB | 266.0 | 4.09 |
| VCG | 50.0 | 1.95 |
| GKM | 50.0 | 0.85 |
| QNC | 93.2 | 0.43 |

phiếu được khối ngoại mua ròng nhiều là Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+27.9 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (+10.6 tỷ) và Đạm Phú Mỹ-DPM (+6.9 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng duy trì mức tăng điểm ấn tượng và chốt phiên tại 133.12 điểm (+1.22%). KLGĐ khớp lệnh đạt 52.3 triệu cổ phiếu (+8.2%), tương đương 670.3 tỷ đồng giá trị (+7.1%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.8%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.3%), Dầu khí PTSC-PVS (+2.2%) và Thaiholdings-THD (+2.2%) là những cổ phiếu tác động tích cực nhất. Ngược lại, Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-1.8%), Vicostone-VCS (-0.7%), Idico-IDC (-0.4%) kìm hãm đà tăng của chỉ số.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trở lại trên sàn Hà Nội với giá trị 3.5 tỷ đồng. Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu Cảng Đoạn Xá-DXP (-4.3 tỷ), Mía đường Sơn La-SLS (-1.2 tỷ), Hóa chất Lâm Thao-LAS (-0.5 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được khối này mua ròng là Dầu khí PTSC-PVS (+2.9 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.7 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.4 tỷ)

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số quay lại đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn đang tiếp diễn, cơ hội chỉ số hướng lên thử thách vùng kháng cự 940 điểm (Fib 127.2) đang gia tăng. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách vùng kháng cự 134.4 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng phục hồi và có cơ hội hướng lên các vùng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| LSS | 6.6 | 218.2 | 6.9% |
| FLC | 3.4 | 28,622.8 | 6.9% |
| ASG | 41.2 | 91.9 | 6.9% |
| DCM | 11.0 | 6,234.2 | 6.8% |
| KPF | 14.1 | 2.0 | 6.8% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| DAT | 38.0 | 3.7 | -7.0% |
| HRC | 42.7 | 0.0 | -7.0% |
| MCG | 1.8 | 2.5 | -6.9% |
| VAF | 10.2 | 0.0 | -6.9% |
| EMC | 16.5 | 0.1 | -6.8% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG | 26.4 | 457.0 | 2.5% |
| STB | 13.8 | 399.2 | 3.8% |
| CTG | 27.2 | 324.0 | 3.6% |
| VNM | 128.3 | 277.5 | 0.5% |
| HSG | 16.1 | 264.4 | 5.6% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| STB | 13.8 | 28,883.5 | 3.8% |
| FLC | 3.4 | 28,622.8 | 6.9% |
| HPG | 26.4 | 17,573.1 | 2.5% |
| HSG | 16.1 | 16,925.8 | 5.6% |
| ROS | 2.2 | 14,313.1 | 4.7% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| VIG | 1.0 | 1,738.6 | 11.1% |
| FID | 1.1 | 103.2 | 10.0% |
| SAF | 56.5 | 2.5 | 9.9% |
| SDG | 25.5 | 0.1 | 9.9% |
| NBW | 21.5 | 0.5 | 9.7% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| NHP | 0.6 | 101.0 | -14.3% |
| QTC | 17.7 | 3.1 | -9.7% |
| TFC | 5.6 | 3.7 | -9.7% |
| MDC | 7.6 | 4.3 | -9.5% |
| PGT | 4.0 | 1.1 | -9.1% |

Top 5 giá trị

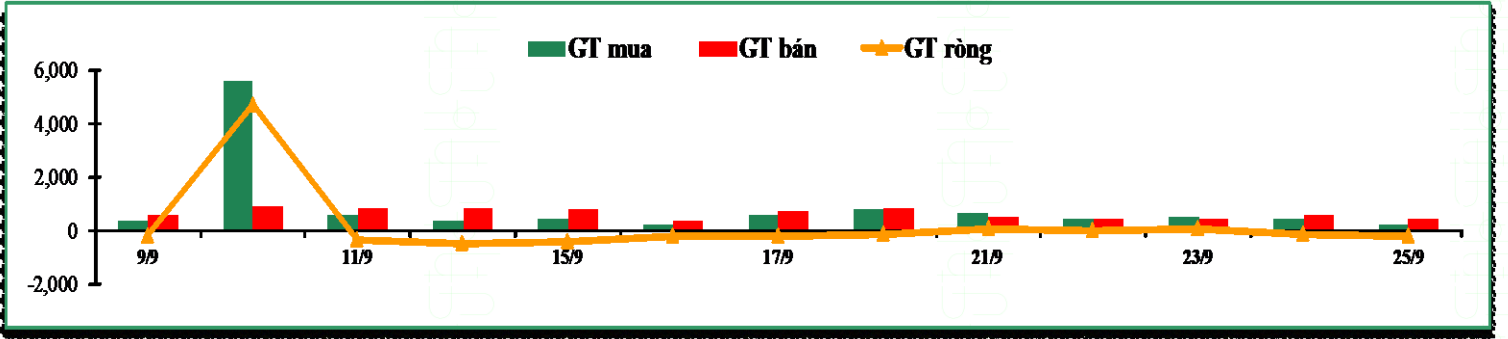
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB | 22.6 | 184.9 | 1.8% |
| PVS | 13.9 | 108.0 | 2.2% |
| SHB | 15.6 | 45.6 | 1.3% |
| SHS | 12.2 | 40.8 | 2.5% |
| VCG | 39.0 | 36.3 | 0.0% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ACB | 22.6 | 8,207.7 | 1.8% |
| PVS | 13.9 | 7,861.8 | 2.2% |
| CEO | 7.4 | 4,226.8 | 4.2% |
| SHS | 12.2 | 3,361.2 | 2.5% |
| SHB | 15.6 | 2,913.6 | 1.3% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|
| HOSE | 373.5 | 5.9% | 768.3 | 12.2% | -394.8 |
| HNX | 5.7 | 0.9% | 9.2 | 1.4% | -3.5 |
| Tổng số | 379.3 | | 777.6 | | -398.3 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| CTG | 27.2 | 99.8 | 3.6% |
| HSG | 16.1 | 31.3 | 5.6% |
| VCB | 86.0 | 23.8 | 0.0% |
| VND | 13.8 | 21.7 | 2.6% |
| MBB | 20.0 | 17.0 | 2.0% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM | 128.3 | 137.9 | 0.5% |
| CTG | 27.2 | 104.5 | 3.6% |
| HPG | 26.4 | 84.2 | 2.5% |
| VRE | 27.8 | 82.1 | -2.1% |
| VHM | 76.6 | 66.5 | -0.7% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HSG | 16.1 | 27.9 | 5.6% |
| SSI | 16.9 | 10.6 | 2.7% |
| DPM | 17.6 | 6.9 | 5.1% |
| KDH | 24.2 | 6.4 | 0.0% |
| DGW | 55.7 | 6.4 | 4.7% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 13.9 | 3.0 | 2.2% |
| NTP | 33.7 | 0.7 | 1.5% |
| TIG | 7.0 | 0.4 | 0.0% |
| CPC | 16.5 | 0.3 | 5.8% |
| WCS | 191.5 | 0.2 | -1.3% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| DXP | 11.4 | 4.3 | -1.7% |
| SLS | 76.2 | 1.2 | 4.4% |
| LAS | 6.3 | 0.5 | 5.0% |
| BVS | 11.7 | 0.5 | 2.6% |
| AMV | 17.3 | 0.5 | -1.1% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 13.9 | 2.9 | 2.2% |
| NTP | 33.7 | 0.7 | 1.5% |
| TIG | 7.0 | 0.4 | 0.0% |
| CPC | 16.5 | 0.3 | 5.8% |
| WCS | 191.5 | 0.2 | -1.3% |

Tin trong nước

Dự báo nhu cầu tiêu thụ thép xây dựng tăng mạnh dịp cuối năm

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) cho biết, sản xuất thép xây dựng trong 8 tháng qua đạt hơn 6,607 triệu tấn, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2019. Bán hàng sản phẩm thép xây dựng đạt hơn 6.66 triệu tấn, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó, xuất khẩu là 906.962 tấn, giảm 5,9% so với cùng kỳ. Hiện tại, tồn kho của các doanh nghiệp thép là hơn 604.000 tấn. Đây là mức tồn kho trung bình để gói đầu bán hàng các tháng sau.

VSA nhận định, sản lượng thép xây dựng sản xuất, bán hàng và xuất khẩu trong 8 tháng của năm 2020 đều giảm do tác động của dịch Covid-19. Tuy nhiên, dự kiến từ tháng 9 đến cuối năm, thị trường thép xây dựng sẽ khởi sắc hơn.

Ông Trịnh Khôi Nguyên, Phó Chủ tịch VSA dự báo, trong ngắn hạn thị trường nội địa có nhu cầu tiêu thụ thép nhiều hơn sau thời gian giãn cách do dịch bệnh Covid-19. Tình hình sản xuất và bán hàng thép xây dựng trong nước sẽ bớt khó khăn hơn và thị trường thép xây dựng từ tháng 9 sẽ tốt hơn.

Chính thức giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020

Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/HQ14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác vào ngày 25/9.

Nghị định cũng nêu rõ, việc giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Đạm Cà Mau (DCM) ước lãi 8 tháng hơn 424 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch năm 2020

Lợi nhuận 8 tháng đầu năm 2020 của DCM ước đạt hơn 424 tỷ, vượt xa kế hoạch năm (kế hoạch lãi sau thuế năm 2020 đạt gần 52 tỷ đồng). DCM cũng đang xem xét điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận năm 2020 cho phù hợp với tình hình thực tế.

Masan Group cử người làm Chủ tịch Bột giặt NET

Công ty Bột giặt Net (HNX: NET) vừa công bố việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020 đối với ông Trần Quốc Cường. Người thay thế vị trí Chủ tịch HĐQT là ông Trương Công Thắng, quyết định có hiệu lực từ 24/9.

Vào tháng 2, Masan HPC - công ty con do Masan Consumer sở hữu 100% vốn – đã mua thành công 52% vốn Bột giặt Net với mức giá trung bình 48.000 đồng/cp, tương đương gần 560 tỷ đồng. Việc kết hợp với Masan Consumer có thể giúp NET tận dụng hệ thống phân phối của gồm 300.000 điểm bán lẻ và nền tảng thương mại hiện đại gồm 3.000 siêu thị, siêu thị mini trên cả nước.

BSR dự kiến có lãi quý III

Tại buổi làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) ngày 25/9, ông Bùi Minh Tiến, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (UPCoM: BSR) cho biết quý III mặc dù nhà máy Lọc dầu Dung Quất ngừng hoạt động để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4 gần 2 tháng nhưng đơn vị vẫn có lợi nhuận, chấm dứt giai đoạn lợi nhuận âm của 2 quý đầu năm.

Chịu ảnh hưởng kép từ dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm, nửa đầu năm doanh nghiệp ghi nhận doanh thu giảm 38%; lỗ sau thuế 4.257 tỷ đồng.

Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của BSR được ĐHĐCĐ thường niên thông qua là doanh thu hợp nhất 80.686 tỷ đồng, lãi sau thuế 1.185 tỷ đồng. Song đây là kế hoạch dựa trên kịch bản giá dầu 60 USD/thùng và chưa tính đến ảnh hưởng dịch Covid-19, giá dầu giảm.

CEO Techcombank đăng ký mua gần 440.000 cổ phiếu TCB

Sau hơn 1 tháng được bổ nhiệm vào vị trí CEO Techcombank, ông Jens Lottner đăng ký mua 439.000 cổ phiếu TCB theo phương thức giao dịch thỏa thuận ngoài sàn.

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank – TCB) vừa công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ.

Cụ thể, ông Jens Lottner, CEO ngân hàng đăng ký mua 439.000 cổ phiếu TCB theo phương thức giao dịch thỏa thuận ngoài sàn. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 1/10-27/10/2020.

Trước khi giao dịch, CEO Techcombank không nắm giữ cổ phiếu nào của ngân hàng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------------------------------------|
| 1 | KBC | Mua | 29/09/20 | 14.3 | 14.3 | 0.0% | 15.8 | 10.5% | 13.8 | -3.5% | Cổ phiếu quay lại xu hướng phục hồi |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự | Tín hiệu kỹ thuật |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|----------|---|
| 1 | DPM | Quan sát mua | 29/09/20 | 17.6 | 20-20.5 | Phiên bật tăng mạnh kèm vol tăng sau nhịp điều chỉnh tích cực với vol giảm dần + phủ nhận nền giảm dài vol cao phía trước -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về 17.3-17.4 |
| 2 | LIX | Quan sát mua | 29/09/20 | 59.4 | 63 65 | Phiên bật tăng mạnh từ vùng hỗ trợ EMA kèm vol cao, có cơ hội quay lại xu hướng tăng và vượt kháng cự mạnh 61 -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 58.5-58.8 |
| 3 | IDJ | Quan sát mua | 29/09/20 | 15.5 | 19-20 | Phiên tăng kèm vol cao trở lại khi đang trong vùng tích lũy -> khả năng sớm có phiên breakout và quay lại xu hướng tăng |
| 4 | GEG | Quan sát mua | 29/09/20 | 16.2 | 18-19 | Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ quanh 16 tích cực với vol giảm thấp dần -> khả năng sớm quay lại nhịp tăng |
| 5 | DRC | Quan sát mua | 29/09/20 | 19.35 | 21-21.5 | Nhịp điều chỉnh về test MA200 tích cực với vol giảm thấp dần -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | DGC | Nắm giữ | 20/08/20 | 43 | 33.45 | 28.6% | 43.5 | 30.0% | 31.8 | -5% | |
| 2 | IMP | Mua | 15/09/20 | 48.2 | 48.15 | 0.1% | 54.4 | 13.0% | 47.2 | -2% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | |
|---|-----|-----|----------|-------|-------|-------|------|-----|-------|-----|
| 3 | LIX | Mua | 16/09/20 | 59.4 | 56.8 | 4.6% | 60.9 | 7% | 54.9 | -3% |
| 4 | MWG | Mua | 17/09/20 | 103 | 94.6 | 8.9% | 105 | 11% | 90 | -5% |
| 5 | VNM | Mua | 21/09/20 | 128.3 | 126.4 | 1.5% | 137 | 8% | 123.9 | -2% |
| 6 | CTG | Mua | 23/09/20 | 27.15 | 25.8 | 5.2% | 28 | 9% | 25.2 | -2% |
| 7 | PLX | Mua | 24/09/20 | 51.3 | 51.6 | -0.6% | 58.4 | 13% | 49.5 | -4% |
| 8 | HPG | Mua | 28/09/20 | 26.4 | 25.75 | 2.5% | 30 | 17% | 25 | -3% |

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

| Mã chứng quyền (*) | Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 28/09/20 | | | | | | | Thông tin chứng quyền | | | | | | |
|--------------------|--|--------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|---|--------------------------------|--------|------|---------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá phát hành (VND) | Giá đóng cửa (VND) | Tăng/giảm trong ngày (%) | Tăng/giảm so với giá phát hành (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (**)(VND) | Chênh lệch so với giá đóng cửa | CTCKPH | CKCS | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
| CCTD2001 | 1,540 | 1,120 | -12.5 % | -27% | 889 | 79 | 69,200 | 24 | (1,096) | KIS | CTD | 80,888 | 10 | 16/12/20 |
| CFPT2003 | 7,300 | 11,930 | 4.3 % | 63% | 2,690 | 42 | 51,100 | 1,491 | (10,439) | SSI | FPT | 50,000 | 1 | 09/11/20 |
| CFPT2006 | 1,500 | 1,950 | 3.2 % | 30% | 11,714 | 31 | 51,100 | 1,599 | (351) | HCM | FPT | 44,386 | 4 | 29/10/20 |
| CFPT2007 | 1,690 | 1,770 | 1.1 % | 5% | 4,648 | 25 | 51,100 | 1,538 | (232) | MBS | FPT | 43,500 | 5 | 23/10/20 |
| CFPT2008 | 1,500 | 1,550 | 2.0 % | 3% | 20,794 | 108 | 51,100 | 802 | | HCM | FPT | 48,000 | 5 | 14/01/21 |
| CFPT2009 | 2,480 | 2,430 | 3.4 % | -2% | 3,120 | 81 | 51,100 | 1,571 | (859) | MBS | FPT | 46,800 | 3 | 18/12/20 |
| CHDB2005 | 1,080 | 1,010 | 6.3 % | -6% | 18,024 | 7 | 31,450 | 1,035 | 25 | KIS | HDB | 27,327 | 4 | 05/10/20 |
| CHDB2006 | 2,180 | 3,300 | 4.8 % | 51% | 311 | 10 | 31,450 | 3,385 | 85 | MBS | HDB | 24,700 | 2 | 08/10/20 |
| CHPG2005 | 2,100 | 12,500 | 0.5 % | 495% | 951 | 3 | 26,400 | 7,405 | (5,095) | VND | HPG | 19,000 | 1 | 01/10/20 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|--------|--------|------|--------|-----|---------|--------|---------|-----|-----|---------|----|----------|
| CHPG2008 | 4,100 | 5,110 | 14.6 % | 25% | 29,816 | 63 | 26,400 | 161 | (4,949) | SSI | HPG | 28,000 | 1 | 30/11/20 |
| CHPG2009 | 1,600 | 4,900 | 8.7 % | 206% | 12,724 | 31 | 26,400 | 1,979 | (2,921) | HCM | HPG | 22,500 | 2 | 29/10/20 |
| CHPG2012 | 6,100 | 7,060 | 12.1 % | 16% | 2,205 | 112 | 26,400 | 1,186 | (5,874) | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 18/01/21 |
| CHPG2013 | 6,900 | 8,690 | 10.0 % | 26% | 2,936 | 64 | 26,400 | 2,557 | (6,133) | SSI | HPG | 24,000 | 1 | 01/12/20 |
| CHPG2014 | 7,200 | 8,090 | 8.3 % | 12% | 1,245 | 203 | 26,400 | 2,190 | (5,900) | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 19/04/21 |
| CHPG2015 | 6,700 | 7,580 | 9.1 % | 13% | 1,759 | 154 | 26,400 | 1,650 | (5,930) | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 01/03/21 |
| CHPG2016 | 2,200 | 3,190 | 10.8 % | 45% | 29,279 | 108 | 26,400 | 359 | (2,831) | HCM | HPG | 27,500 | 2 | 14/01/21 |
| CHPG2019 | 1,630 | 1,890 | 8.0 % | 16% | 28,385 | 81 | 26,400 | 1,277 | (613) | MBS | HPG | 24,100 | 2 | 18/12/20 |
| CMBB2003 | 2,000 | 2,480 | 15.4 % | 24% | 16,346 | 42 | 20,000 | 2,063 | (417) | SSI | MBB | 18,000 | 1 | 09/11/20 |
| CMBB2005 | 2,000 | 650 | 18.2 % | -68% | 335 | 28 | 20,000 | 211 | (439) | VCI | MBB | 20,000 | 1 | 26/10/20 |
| CMBB2006 | 1,100 | 1,820 | 9.0 % | 65% | 12,857 | 31 | 20,000 | 1,771 | (49) | HCM | MBB | 16,500 | 2 | 29/10/20 |
| CMBB2007 | 1,400 | 1,980 | 7.0 % | 41% | 14,985 | 108 | 20,000 | 1,585 | | HCM | MBB | 17,000 | 2 | 14/01/21 |
| CMSN2001 | 2,300 | 400 | 0 % | -83% | 1,544 | 79 | 54,700 | 1 | (399) | KIS | MSN | 65,789 | 5 | 16/12/20 |
| CMSN2005 | 2,100 | 360 | -5.3 % | -83% | 8,877 | 31 | 54,700 | 0 | (360) | HCM | MSN | 60,000 | 5 | 29/10/20 |
| CMSN2006 | 1,900 | 1,170 | -1.7 % | -38% | 13,662 | 108 | 54,700 | 327 | | HCM | MSN | 56,000 | 5 | 14/01/21 |
| CMSN2008 | 1,530 | 1,380 | 3.0 % | -10% | 1,813 | 70 | 54,700 | 503 | (877) | MBS | MSN | 53,000 | 5 | 07/12/20 |
| CMWG2005 | 2,500 | 5,250 | 19.6 % | 110% | 872 | 3 | 103,000 | 5,511 | 261 | VND | MWG | 92,000 | 2 | 01/10/20 |
| CMWG2006 | 2,000 | 420 | 0 % | -79% | 510 | 28 | 103,000 | 2 | (418) | VCI | MWG | 110,000 | 5 | 26/10/20 |
| CMWG2007 | 12,900 | 17,390 | 6.7 % | 35% | 1,230 | 63 | 103,000 | 16,457 | (933) | SSI | MWG | 87,000 | 1 | 30/11/20 |
| CMWG2008 | 1,300 | 1,850 | 10.1 % | 42% | 1,521 | 29 | 103,000 | 1,820 | (30) | HCM | MWG | 85,000 | 10 | 27/10/20 |
| CMWG2009 | 1,600 | 2,500 | 4.6 % | 56% | 2,608 | 25 | 103,000 | 2,646 | 146 | MBS | MWG | 82,000 | 8 | 23/10/20 |
| CMWG2010 | 1,400 | 2,430 | 6.6 % | 74% | 9,118 | 108 | 103,000 | 2,177 | | HCM | MWG | 82,000 | 10 | 14/01/21 |
| CMWG2011 | 2,980 | 4,120 | 8.4 % | 38% | 11,698 | 81 | 103,000 | 3,323 | (797) | MBS | MWG | 87,000 | 5 | 18/12/20 |
| CMWG2012 | 4,390 | 5,350 | 7.4 % | 22% | 7,515 | 133 | 103,000 | 4,793 | (557) | SSI | MWG | 80,000 | 5 | 08/02/21 |
| CNVL2001 | 2,300 | 2,000 | 0.5 % | -13% | 511 | 79 | 63,400 | 73 | (1,927) | KIS | NVL | 65,888 | 4 | 16/12/20 |
| CNVL2002 | 2,000 | 2,470 | 0 % | 24% | 100 | 163 | 63,400 | 967 | (1,503) | KIS | NVL | 59,889 | 5 | 10/03/21 |
| CPNJ2002 | 2,400 | 210 | -4.6 % | -91% | 5,299 | 3 | 62,000 | - | (210) | VND | PNJ | 69,000 | 2 | 01/10/20 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|-------|---------|------|--------|-----|--------|-------|---------|-----|-----|--------|----|----------|
| CPNJ2003 | 2,000 | 50 | -61.5 % | -98% | 161 | 28 | 62,000 | (0) | (50) | VCI | PNJ | 75,000 | 5 | 26/10/20 |
| CPNJ2005 | 1,000 | 520 | 0 % | -48% | 205 | 31 | 62,000 | 224 | (296) | HCM | PNJ | 60,000 | 10 | 29/10/20 |
| CPNJ2006 | 1,000 | 920 | -2.1 % | -8% | 6,828 | 108 | 62,000 | 451 | | HCM | PNJ | 59,000 | 10 | 14/01/21 |
| CPNJ2007 | 1,670 | 2,250 | -3.4 % | 35% | 5,618 | 53 | 62,000 | 1,847 | (403) | MBS | PNJ | 53,000 | 5 | 20/11/20 |
| CPNJ2008 | 3,030 | 2,930 | -1.4 % | -3% | 4,198 | 133 | 62,000 | 2,525 | (405) | SSI | PNJ | 50,000 | 5 | 08/02/21 |
| CREE2003 | 1,000 | 2,100 | -0.5 % | 110% | 3,743 | 31 | 40,300 | 2,075 | (25) | HCM | REE | 30,000 | 5 | 29/10/20 |
| CREE2004 | 1,570 | 3,750 | 1.9 % | 139% | 1 | 25 | 40,300 | 3,620 | (130) | MBS | REE | 29,500 | 3 | 23/10/20 |
| CREE2005 | 1,300 | 2,300 | 0.4 % | 77% | 2,002 | 108 | 40,300 | 2,023 | | HCM | REE | 32,500 | 4 | 14/01/21 |
| CROS2002 | 1,000 | 170 | 21.4 % | -83% | 22,573 | 79 | 2,240 | (0) | (170) | KIS | ROS | 7,227 | 1 | 16/12/20 |
| CSBT2001 | 2,900 | 220 | 22.2 % | -92% | 1,082 | 79 | 15,200 | 0 | (220) | KIS | SBT | 21,111 | 1 | 16/12/20 |
| CSTB2002 | 1,700 | 2,470 | 14.9 % | 45% | 17,770 | 79 | 13,800 | 1,998 | (472) | KIS | STB | 11,888 | 1 | 16/12/20 |
| CSTB2004 | 1,400 | 3,070 | 13.7 % | 119% | 89,067 | 63 | 13,800 | 2,857 | (213) | SSI | STB | 11,000 | 1 | 30/11/20 |
| CSTB2005 | 1,080 | 1,120 | 9.8 % | 4% | 53,106 | 36 | 13,800 | 1,012 | (108) | KIS | STB | 11,811 | 2 | 03/11/20 |
| CSTB2006 | 1,500 | 1,420 | 12.7 % | -5% | 25,178 | 189 | 13,800 | 815 | (605) | KIS | STB | 12,888 | 2 | 05/04/21 |
| CSTB2008 | 1,500 | 3,700 | 7.3 % | 147% | 30,454 | 53 | 13,800 | 3,645 | (55) | MBS | STB | 10,200 | 1 | 20/11/20 |
| CSTB2009 | 1,650 | 3,450 | 11.3 % | 109% | 36,705 | 81 | 13,800 | 2,973 | (477) | MBS | STB | 10,900 | 1 | 18/12/20 |
| CTCB2003 | 2,000 | 330 | 0 % | -84% | 18,381 | 28 | 22,850 | 0 | (330) | VCI | TCB | 25,000 | 1 | 26/10/20 |
| CTCB2005 | 3,000 | 2,130 | 9.2 % | -29% | 5,336 | 63 | 22,850 | 1,127 | (1,003) | SSI | TCB | 22,000 | 1 | 30/11/20 |
| CTCB2006 | 1,200 | 2,450 | 5.6 % | 104% | 5,929 | 31 | 22,850 | 2,448 | (2) | HCM | TCB | 18,000 | 2 | 29/10/20 |
| CTCB2007 | 1,700 | 2,080 | 9.5 % | 22% | 3,230 | 108 | 22,850 | 1,547 | | HCM | TCB | 20,000 | 2 | 14/01/21 |
| CTCB2008 | 1,720 | 2,050 | 7.9 % | 19% | 4,791 | 81 | 22,850 | 1,500 | (550) | MBS | TCB | 20,000 | 2 | 18/12/20 |
| CVHM2001 | 3,100 | 560 | -38.5 % | -82% | 12 | 79 | 76,600 | 1 | (559) | KIS | VHM | 94,567 | 5 | 16/12/20 |
| CVHM2002 | 11,500 | 5,320 | -8.6 % | -54% | 11,318 | 63 | 76,600 | 1,765 | (3,555) | SSI | VHM | 77,000 | 1 | 30/11/20 |
| CVHM2003 | 1,000 | 1,020 | -1.0 % | 2% | 10,610 | 31 | 76,600 | 678 | (342) | HCM | VHM | 70,000 | 10 | 29/10/20 |
| CVHM2004 | 1,490 | 40 | 0 % | -97% | 15,838 | 7 | 76,600 | (0) | (40) | KIS | VHM | 86,868 | 10 | 05/10/20 |
| CVHM2005 | 1,400 | 840 | -4.6 % | -40% | 12,260 | 108 | 76,600 | 229 | | HCM | VHM | 79,000 | 10 | 14/01/21 |
| CVHM2007 | 2,900 | 1,950 | -4.4 % | -33% | 1,662 | 133 | 76,600 | 1,003 | (947) | SSI | VHM | 75,000 | 5 | 08/02/21 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|--------|---------|------|--------|-----|---------|--------|---------|-----|-----|---------|----|----------|
| CVJC2001 | 2,400 | 150 | 0 % | -94% | 100 | 79 | 105,500 | 0 | (150) | KIS | VJC | 173,137 | 10 | 16/12/20 |
| CVJC2002 | 1,900 | 300 | -9.1 % | -84% | 1,100 | 31 | 105,500 | 0 | (300) | HCM | VJC | 116,000 | 10 | 29/10/20 |
| CVJC2003 | 1,670 | 50 | 0 % | -97% | 19,852 | 7 | 105,500 | (0) | (50) | KIS | VJC | 123,456 | 10 | 05/10/20 |
| CVJC2005 | 2,000 | 1,500 | -2.6 % | -25% | 6,763 | 133 | 105,500 | 798 | (702) | SSI | VJC | 100,000 | 10 | 08/02/21 |
| CVNM2004 | 17,500 | 16,960 | 0.5 % | -3% | 1,115 | 63 | 128,300 | 11,001 | (5,959) | SSI | VNM | 118,000 | 1 | 30/11/20 |
| CVNM2005 | 1,500 | 2,780 | 1.5 % | 85% | 41,776 | 31 | 128,300 | 2,556 | (224) | HCM | VNM | 103,000 | 10 | 29/10/20 |
| CVNM2006 | 1,530 | 130 | -31.6 % | -92% | 15,164 | 7 | 128,300 | 0 | (130) | KIS | VNM | 131,313 | 10 | 05/10/20 |
| CVNM2007 | 2,400 | 1,480 | -1.3 % | -38% | 379 | 163 | 128,300 | 328 | (1,152) | KIS | VNM | 138,888 | 10 | 10/03/21 |
| CVNM2008 | 1,800 | 2,000 | -8.7 % | 11% | 21,120 | 108 | 128,300 | 1,561 | | HCM | VNM | 114,000 | 10 | 14/01/21 |
| CVNM2009 | 1,810 | 2,430 | -2.0 % | 34% | 7,029 | 70 | 128,300 | 2,192 | (238) | MBS | VNM | 107,000 | 10 | 07/12/20 |
| CVNM2010 | 2,680 | 2,600 | 1.6 % | -3% | 1,751 | 133 | 128,300 | 1,981 | (619) | SSI | VNM | 110,000 | 10 | 08/02/21 |
| CVPB2006 | 3,400 | 1,660 | 12.9 % | -51% | 14,615 | 63 | 23,800 | 587 | (1,073) | SSI | VPB | 24,000 | 1 | 30/11/20 |
| CVPB2007 | 1,700 | 1,080 | 21.4 % | -36% | 26,062 | 31 | 23,800 | 684 | (396) | HCM | VPB | 22,500 | 2 | 29/10/20 |
| CVPB2008 | 1,800 | 1,850 | 12.1 % | 3% | 2,285 | 108 | 23,800 | 1,159 | | HCM | VPB | 22,000 | 2 | 14/01/21 |
| CVPB2009 | 1,630 | 2,170 | 7.4 % | 33% | 16,724 | 53 | 23,800 | 1,845 | (325) | MBS | VPB | 20,200 | 2 | 20/11/20 |
| CVRE2003 | 3,000 | 300 | 11.1 % | -90% | 9,858 | 79 | 27,800 | 0 | (300) | KIS | VRE | 37,999 | 2 | 16/12/20 |
| CVRE2005 | 4,000 | 2,000 | -19.0 % | -50% | 7,632 | 63 | 27,800 | 690 | (1,310) | SSI | VRE | 28,000 | 1 | 30/11/20 |
| CVRE2006 | 1,100 | 1,280 | -11.1 % | 16% | 25,213 | 31 | 27,800 | 1,215 | (65) | HCM | VRE | 23,000 | 4 | 29/10/20 |
| CVRE2007 | 1,520 | 610 | 0 % | -60% | 15,317 | 189 | 27,800 | 130 | (480) | KIS | VRE | 33,333 | 5 | 05/04/21 |
| CVRE2008 | 1,200 | 1,080 | -10.0 % | -10% | 40,690 | 108 | 27,800 | 617 | | HCM | VRE | 26,000 | 4 | 14/01/21 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2020E (tỷ) | EPS 2020E | BV 2020E | ROE 2020E | ROA 2020E | PE 2020E | PB 2020E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| NLG (New) | HOSE | 25,600 | 32,300 | 28/09/20 | 870 | 3,555 | 23,659 | 14% | 8.0% | 7.9 | 1.0 | 5% |
| IMP (New) | HOSE | 48,200 | 46,100 | 21/09/20 | 174 | 2,711 | 27,620 | 10% | 8.3% | 17.0 | 1.7 | 20% |
| CTD (New) | HOSE | 69,200 | 90,400 | 16/09/20 | 824 | 10,391 | 113,736 | 9% | 5.0% | 8.7 | 0.8 | 30% |
| DBD (New) | HOSE | 47,000 | 39,000 | 11/09/20 | 143 | 2,733 | 18,708 | 15% | 8.2% | 14.1 | 2.1 | 15% |
| VCB | HOSE | 86,000 | 78,000 | 07/09/20 | 17,662 | 4,762 | 26,585 | 20% | 1.5% | 16.4 | 2.9 | 0% |
| AST | HOSE | 51,400 | 40,000 | 07/09/20 | 6 | 133 | 17,827 | 1% | 0.5% | 301.4 | 2.2 | 10% |
| PHR | HOSE | 58,000 | 57,615 | 04/09/20 | 1,180 | 8,709 | 22,532 | 28% | 14.1% | 6.2 | 2.3 | 30% |
| VRE | HOSE | 27,800 | 39,500 | 03/09/20 | 2,445 | 1,109 | 11,914 | 8% | 6.4% | 23.3 | 2.6 | - |
| POW | HOSE | 10,150 | 12,800 | 01/09/20 | 2,655 | 971 | 13,557 | 8% | 5.0% | 13.2 | 0.9 | 0% |
| MWG | HOSE | 103,000 | 105,600 | 28/08/20 | 3,496 | 7,717 | 32,797 | 24% | 7.5% | 13.7 | 3.2 | 15% |
| NVL | HOSE | 63,400 | 64,350 | 28/08/20 | 3,547 | 3,699 | 25,725 | 13% | 3.8% | 20.3 | 2.1 | - |
| NT2 | HOSE | 23,500 | 27,600 | 27/08/20 | 775 | 2,691 | 14,445 | 19% | 11.0% | 10.3 | 1.9 | 25% |
| SCS | HOSE | 122,000 | 120,000 | 27/08/20 | 403 | 7,468 | 20,060 | 40% | 36.9% | 16.1 | 6.0 | 36% |
| MSN | HOSE | 54,700 | 62,400 | 24/08/20 | 1,026 | 877 | 27,165 | 2% | 0.4% | 71.2 | 2.3 | 10% |
| HPG | HOSE | 26,400 | 28,700 | 18/08/20 | 9,638 | 2,889 | 16,628 | 18% | 9% | 9.9 | 1.7 | 5% |
| DHG | HOSE | 106,000 | 88,000 | 17/08/20 | 670 | 5,125 | 27,884 | 18% | 15% | 17.2 | 3.2 | - |
| VTP | UPCOM | 102,500 | 142,700 | 13/08/20 | 451 | 7,565 | 24,318 | 40% | 11% | 18.9 | 7.6 | 0% |
| VPB | HOSE | 23,800 | 22,088 | 12/08/20 | 8,558 | 3,511 | 20,826 | 18% | 2% | 6.3 | 1.1 | 0% |
| BMP | HOSE | 60,500 | 55,800 | 07/08/20 | 491 | 6,001 | 30,994 | 19% | 17% | 9.2 | 1.8 | 40% |
| MSH | HOSE | 32,750 | 36,500 | 04/08/20 | 21 | 428 | 20,629 | 2% | 1% | 85.2 | 1.8 | 25% |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.
** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn